

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

LƯƠNG THỊ ĐÀO

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

Nhận bài ngày 15/7/2026. Sửa chữa xong 15/8/2026. Duyệt đăng 18/8/2026.

Abstract

In the context of the Fourth Industrial Revolution and Vietnam's national digital transformation, social work education in Vietnam is facing an urgent need for comprehensive reform to meet the demands for human resources in a modern social environment. This article analyzes the current state of social work education at higher education institutions, with particular emphasis on the gap between traditional training content and the digital competencies required of social work professionals in the new era. By examining achievements, existing limitations, and practical challenges, the study proposes a comprehensive set of solutions, including curriculum reform to integrate digital skills, the development of a digital practice ecosystem, enhancement of lecturers' digital pedagogical competencies, and greater emphasis on digital ethics in conjunction with information security.

Keywords: Digital transformation, quality, social work, solutions, university.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên số, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra những thay đổi mang tính hệ thống đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó giáo dục đại học và hoạt động nghề nghiệp chuyên môn không nằm ngoài dòng chảy này. Ngành Công tác xã hội (CTXH) với đặc thù là một ngành khoa học ứng dụng nhằm thúc đẩy sự thay đổi xã hội, giải quyết các vấn đề trong các mối quan hệ con người và nâng cao phúc lợi đang đứng trước những thách thức và cơ hội chưa từng có. Việc chuyển đổi số (CĐS) không còn là một lựa chọn mang tính hình thức mà đã trở thành yêu cầu tự thân để ngành CTXH có thể tiếp cận, hỗ trợ đối tượng một cách kịp thời và hiệu quả hơn trong một xã hội ngày càng trở nên phức tạp về kỹ thuật và truyền thông. Tại Việt Nam, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của chính phủ điện tử và các nền tảng số, nhiều vấn đề xã hội cũng dần biến đổi theo hướng “số hóa”. Các nguy cơ mới như tội phạm mạng, bạo lực trực tuyến, sự cô lập xã hội của người trẻ trong không gian ảo hay các vấn đề tâm lý học đường nảy sinh từ môi trường kỹ thuật số đã và đang đặt ra những bài toán hóc búa cho các nhà thực hành CTXH. Tuy nhiên, thực tế đào tạo đại học hiện nay tại nhiều cơ sở cho thấy vẫn còn tồn tại khoảng cách lớn giữa lý thuyết truyền thống và kỹ năng ứng dụng công nghệ thực tế. Sinh viên (SV) ngành CTXH thường thiếu hụt các kỹ năng số cần thiết như tư vấn trực tuyến (tele-social work), khai thác dữ liệu cộng đồng, quản lý hồ sơ ca trực tuyến và đặc biệt là nhận thức về đạo đức trong không gian mạng. Những người làm CTXH trong môi trường này đòi hỏi năng lực phản ứng nhanh, khả năng kết nối nguồn lực và đảm bảo an toàn thông tin cao độ. Nếu chương trình đào tạo không kịp thời thích ứng, nhân lực tốt nghiệp sẽ khó đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, làm suy giảm khả năng phòng ngừa và can thiệp kịp thời các vấn đề xã hội tại địa phương.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về chất lượng đào tạo đại học ngành Công tác xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1.1. Những kết quả đạt được trong đào tạo đại học ngành Công tác xã hội

Việc đẩy mạnh CĐS trong đào tạo ngành CTXH thời gian qua đã tạo ra bước ngoặt căn bản trong tư

Email: luongthidaospnt@gmail.com

duy và phương thức tổ chức đào tạo, mang lại những chuyển biến tích cực trong chất lượng nguồn nhân lực. Kết quả nổi bật đầu tiên chính là sự chuyển dịch mạnh mẽ từ phương thức truyền thụ kiến thức một chiều sang mô hình lấy người học làm trung tâm thông qua các nền tảng số. Việc áp dụng thành công các hệ thống quản lý học tập (LMS) đã giúp phá vỡ các rào cản về không gian và thời gian (Đại học Lao động - Xã hội, 2021). SV không còn bị giới hạn trong không gian giảng đường truyền thống mà có thể tiếp cận kho học liệu mở, các bài giảng đa phương tiện và các nguồn tài nguyên số quốc tế. Ví dụ: Tại nhiều cơ sở đào tạo, việc triển khai hệ thống LMS đã cho phép giảng viên (GV) đăng tải các video bài giảng mô phỏng kỹ năng can thiệp xã hội, giúp SV có thể xem lại nhiều lần trước khi bước vào các phiên thực hành tại phòng lab. Điều này không chỉ giúp SV chủ động trong việc tự học mà còn hình thành thói quen tư duy “học tập suốt đời” - một yêu cầu bắt buộc đối với nhân viên CTXH trong thời đại thông tin biến động.

Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong thực hành nghề nghiệp của SV. Qua quá trình đào tạo tích hợp, SV đã bước đầu làm quen và thành thạo các kỹ năng số chuyên biệt như quản lý ca trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử, sử dụng các công cụ kỹ thuật số trong khảo sát nhu cầu đối tượng và lập kế hoạch can thiệp. Việc rèn luyện kỹ năng thực hành trên các phần mềm giả lập đã giúp rút ngắn đáng kể thời gian thích nghi khi SV bắt đầu tiếp nhận các nhiệm vụ thực tế. Sự am hiểu này không chỉ dừng lại ở kỹ thuật mà còn giúp SV phát triển khả năng phân tích dữ liệu xã hội, từ đó đưa ra các quyết định can thiệp mang tính khoa học và chính xác hơn, thay vì dựa trên cảm tính như trước đây. Ví dụ: Trong các học phần thực hành, SV đã biết sử dụng các phần mềm chuyên dụng để quản lý hồ sơ đối tượng, tự động hóa việc thống kê số liệu và lập báo cáo nhanh. Điều này đặc biệt hữu ích khi SV tham gia các đợt thực tập tại các trung tâm bảo trợ, nơi họ phải xử lý hàng trăm hồ sơ ca mỗi tháng, giúp giảm tải áp lực hành chính và tăng thời gian dành cho việc tư vấn trực tiếp với đối tượng.

Chuyển đổi số đã thúc đẩy sự kết nối chặt chẽ hơn giữa cơ sở đào tạo và các đơn vị sử dụng lao động, tạo ra một hệ sinh thái đào tạo thực chất. Kết quả đạt được là sự hình thành các mạng lưới thực hành số, nơi nhà trường và các tổ chức xã hội cùng chia sẻ dữ liệu, mô hình ca thực tế và các phương pháp xử lý khủng hoảng (M. Thomas and E. Watson, 2020). Thông qua các dự án phối hợp số hóa hồ sơ đối tượng yếu thế hoặc tham gia vào các chiến dịch truyền thông xã hội trên nền tảng số, SV đã có điều kiện cọ xát với thực tiễn ngay từ khi còn trên ghế nhà trường. Ví dụ: SV tham gia vào các dự án số hóa dữ liệu người có công hoặc dữ liệu dân cư tại địa phương theo đơn đặt hàng của các tổ chức xã hội. Qua đó, SV không chỉ có cơ hội học hỏi từ những người đi trước mà còn trực tiếp góp phần vào quá trình CDS của cộng đồng, đồng thời tích lũy kinh nghiệm làm việc thực tế với các dữ liệu xã hội nhạy cảm dưới sự hướng dẫn chuyên môn của GV và cán bộ thực tế tại cơ sở.

Trong khối các trường đào tạo về an ninh, cảnh sát, CDS đã góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự gắn với công tác xã hội. Kết quả đáng ghi nhận là việc SV được trang bị tư duy về “an ninh số” và “đạo đức số” trong quá trình thực hành. SV không chỉ biết cách hỗ trợ đối tượng mà còn biết cách bảo mật thông tin, nhận diện các nguy cơ tội phạm mạng và bảo vệ quyền lợi của người được trợ giúp trước các cuộc tấn công thông tin. Sự kết hợp giữa nghiệp vụ công tác xã hội với kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin đã tạo ra một thể hệ nhân lực chất lượng cao, có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ tại các địa bàn phức tạp, góp phần giữ vững ổn định xã hội từ cấp cơ sở. Ví dụ: Trong quá trình thực hành tại địa phương, SV đã sử dụng các ứng dụng an toàn thông tin để báo cáo nhanh các ca bạo lực mạng hoặc bóc tách các hành vi xâm hại trẻ em trên không gian mạng, từ đó phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng để xử lý kịp thời, bảo đảm an ninh trật tự địa bàn.

Sự thay đổi rõ rệt trong năng lực sư phạm của đội ngũ GV. Quá trình CDS đã tạo động lực để GV không ngừng học hỏi, đổi mới phương pháp truyền đạt và nghiên cứu khoa học. GV hiện nay không chỉ là người truyền đạt lý thuyết mà còn là những chuyên gia có khả năng thiết kế các bài giảng tích hợp công nghệ, sử dụng dữ liệu lớn để nghiên cứu và dự báo xu hướng các vấn đề xã hội. Sự phát triển này đã góp phần nâng cao uy tín của cơ sở đào tạo, tạo ra một môi trường học thuật sôi nổi, sáng tạo và cập nhật với các tiêu chuẩn quốc tế. Đây là tiền đề vững chắc để ngành CTXH tiếp tục khẳng định vai trò không thể thay thế trong việc thúc đẩy công bằng xã hội và phát triển con người trong kỷ nguyên số.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế trong đào tạo đại học ngành Công tác xã hội

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình CĐS trong đào tạo ngành CTXH tại Việt Nam hiện nay vẫn đối mặt với những tồn tại, hạn chế mang tính hệ thống, làm chậm tiến độ thích ứng với kỷ nguyên số.

Sự mất cân đối giữa tư duy đào tạo truyền thống và yêu cầu thực tiễn của công nghệ: Mặc dù các trường đã bước đầu ứng dụng công nghệ nhưng chương trình đào tạo vẫn nặng về lý thuyết hàn lâm, thiếu sự tích hợp sâu sắc giữa kỹ năng xã hội và năng lực số. Nhiều giáo trình chưa cập nhật kịp thời các vấn đề xã hội phát sinh từ không gian mạng như tội phạm mạng, bạo lực số hay sự suy giảm các mối quan hệ thực tế do tác động của công nghệ. Sự chậm trễ trong việc cập nhật nội dung đào tạo khiến SV khi tốt nghiệp thường lúng túng khi đối mặt với các tình huống phức tạp mà công nghệ là một biến số không thể tách rời (Nguyễn Thanh Bình, Trịnh Phương Thảo, 2017). *Ví dụ:* Trong các học phần về CTXH với người cao tuổi, SV thường được dạy cách hỗ trợ trực tiếp tại cộng đồng nhưng lại thiếu kiến thức về việc hỗ trợ người cao tuổi sử dụng các thiết bị công nghệ để giảm bớt sự cô lập hoặc cách quản lý hồ sơ của đối tượng này trên các phần mềm quản lý phúc lợi xã hội tại địa phương. Việc thiếu hụt những “kỹ năng số chuyên ngành” này khiến SV thiếu tự tin và giảm hiệu quả hỗ trợ trong môi trường hiện đại.

Khoảng cách về hạ tầng và năng lực thực hành số giữa các cơ sở đào tạo: Sự đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật còn mang tính chắp vá, thiếu đồng bộ và chưa đủ mạnh để tạo ra các “môi trường thực hành số” chuyên nghiệp. Nhiều trường hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc số hóa tài liệu hoặc giảng dạy trực tuyến đơn thuần, trong khi việc mô phỏng các tình huống thực tế thông qua phần mềm hay trí tuệ nhân tạo (AI) còn rất sơ khai. Điều này dẫn đến tình trạng “đào tạo trong phòng thí nghiệm ảo mà không có thí nghiệm”, nơi SV chỉ học về công nghệ qua lý thuyết chứ không có cơ hội chạm tay vào các công cụ quản lý thực tế. *Ví dụ:* Tại nhiều trường, SV ngành CTXH vẫn phải lập kế hoạch ca và báo cáo trên giấy hoặc các tệp tin Word đơn lẻ thay vì thực hành trên các phần mềm quản lý ca tích hợp. Khi ra thực tế tại các trung tâm bảo trợ hoặc cơ quan an ninh, SV mất rất nhiều thời gian để làm quen với các hệ thống dữ liệu điện tử của cơ quan chủ quản, cho thấy sự đứt gãy trong lộ trình đào tạo thực hành chuyên nghiệp.

Sự thiếu hụt năng lực sư phạm số của một bộ phận GV: CĐS không chỉ cần thiết bị hiện đại mà cần những người thầy làm chủ công nghệ và truyền cảm hứng. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng GV “ngại” thay đổi, chưa thành thạo trong việc khai thác các tài nguyên số hoặc các phương pháp giảng dạy tương tác dựa trên nền tảng số. Việc thiếu hụt kỹ năng này dẫn đến các tiết học trực tuyến hoặc học kết hợp trở nên nhàm chán, thiếu tính tương tác và không phát huy được sự sáng tạo của SV. *Ví dụ:* Trong các buổi thảo luận nhóm trực tuyến, nhiều GV vẫn giữ thói quen thuyết trình đơn thuần thay vì sử dụng các công cụ tương tác thời gian thực như bảng trắng ảo, các phần mềm khảo sát nhanh hay các nền tảng thực tế ảo để mô phỏng tình huống. Cách làm này vô hình trung biến môi trường số thành một không gian thụ động, làm giảm đi chất lượng tư duy phản biện cần thiết đối với một SV CTXH.

Vấn đề đạo đức nghề nghiệp và an ninh thông tin trong môi trường số chưa được chú trọng đúng mức trong chương trình đào tạo: Trong CTXH, thông tin của đối tượng là tài sản tối mật. Việc thiếu các quy định và bài học cụ thể về “đạo đức số” khiến SV dễ phạm phải các sai lầm nghiêm trọng trong việc xử lý, lưu trữ và chia sẻ thông tin trên các nền tảng số. Điều này đặc biệt nguy hiểm trong các môi trường đặc thù như lực lượng cảnh sát hay quản lý xã hội, nơi rò rỉ thông tin cá nhân của đối tượng có thể dẫn đến những hệ lụy khó lường về an ninh trật tự (Nguyễn Thị Thu Hà, 2011). *Ví dụ:* SV đôi khi vô tình đăng tải các thông tin, hình ảnh của đối tượng được trợ giúp lên mạng xã hội nhằm mục đích chia sẻ kinh nghiệm thực tập mà không có sự đồng ý hoặc không thực hiện các bước che giấu danh tính cần thiết. Việc thiếu các bài tập tình huống về “quy tắc ứng xử trên mạng” trong chương trình học khiến SV không ý thức được tầm quan trọng của việc bảo mật dữ liệu khách hàng theo các chuẩn mực đạo đức ngành.

2.2. Những vấn đề đặt ra về nâng cao chất lượng đào tạo đại học ngành Công tác xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong tiến trình đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học, việc CĐS ngành CTXH đang đặt ra nhiều vấn đề mang tính chiến lược, đòi hỏi các cơ sở đào tạo phải có cái nhìn hệ thống và dài hạn.

2.2.1. Yêu cầu định nghĩa lại “năng lực cốt lõi” của nhân viên công tác xã hội trong kỷ nguyên số

Trước đây, kỹ năng cốt lõi tập trung vào khả năng lắng nghe, thấu cảm và can thiệp trực tiếp qua tiếp xúc thân thể. Tuy nhiên, khi các mối quan hệ xã hội được trung gian hóa bởi các thiết bị số, ngành CTXH buộc phải đối mặt với thách thức: Làm thế nào để duy trì tính nhân văn và sự kết nối cảm xúc giữa người với người khi tương tác qua màn hình? Vấn đề đặt ra ở đây là việc xây dựng một bộ khung năng lực số không được phép làm “công nghiệp hóa” hay “cơ giới hóa” mối quan hệ hỗ trợ. Điều này đòi hỏi nhà trường phải tìm được điểm cân bằng giữa việc trang bị kỹ năng kỹ thuật như quản trị dữ liệu, phân tích thuật toán, tư vấn trực tuyến với việc bảo tồn những giá trị đạo đức, lòng trắc ẩn và sự nhạy cảm văn hóa vốn là linh hồn của nghề CTXH.

2.2.2. Sự thích ứng linh hoạt và cập nhật liên tục của chương trình đào tạo trước tốc độ biến đổi nhanh chóng của công nghệ xã hội

Công nghệ không chỉ là công cụ mà nó còn tạo ra các dạng vấn đề xã hội hoàn toàn mới như bắt nạt qua mạng, tội phạm mạng đối với nhóm yếu thế hay tình trạng “nghiện số” gây cô lập xã hội. Vấn đề đặt ra là chương trình đào tạo hiện nay thường có độ trễ lớn so với thực tế (Nguyễn Thị Thúy Mai, 2020). Trong khi SV vẫn đang được học các lý thuyết can thiệp truyền thống thì ngoài thực tiễn, các vấn đề xã hội đã chuyển dịch sang không gian mạng. Do đó, các cơ sở đào tạo đang đối mặt với áp lực phải xây dựng một mô hình chương trình “mở và động”, cho phép cập nhật các học phần mới theo tuần hoặc tháng, đồng thời thúc đẩy nghiên cứu về các hiện tượng xã hội mới nảy sinh từ môi trường số. Nếu không giải quyết được vấn đề này, khoảng cách giữa kiến thức trong nhà trường và yêu cầu thực tiễn sẽ ngày càng bị nới rộng, dẫn đến tình trạng nhân lực tốt nghiệp thiếu hụt khả năng ứng phó với những vấn đề cấp bách.

2.2.3. Bảo đảm tính công bằng và an toàn trong môi trường thực hành số, đặc biệt trong khối các trường an ninh và cảnh sát

Khi các dữ liệu cá nhân của đối tượng được trợ giúp được số hóa, vấn đề về quyền riêng tư và đạo đức số trở nên cực kỳ nhạy cảm. Thách thức đặt ra là làm thế nào để SV vừa có thể khai thác dữ liệu để hỗ trợ hiệu quả, vừa phải tuyệt đối bảo mật thông tin theo các tiêu chuẩn đạo đức khắt khe. Trong bối cảnh các mối đe dọa từ tội phạm mạng gia tăng, SV ngành CTXH là những người tiếp cận với dữ liệu nhạy cảm của người yếu thế cần được trang bị một hệ tư tưởng về “bảo mật thông tin” như một phần không thể tách rời của đạo đức nghề nghiệp. Đây là một vấn đề không chỉ dừng lại ở kỹ thuật mà còn là nhận thức và trách nhiệm pháp lý, đặt ra yêu cầu phải có những giáo trình riêng biệt về quản trị rủi ro thông tin trong thực hành CTXH.

2.2.4. Xây dựng một mạng lưới liên kết cộng sinh giữa các cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động trong không gian số

Chuyển đổi số không thể thực hiện thành công nếu mỗi trường đại học “tự bơi” trong hệ sinh thái của riêng mình. Vấn đề đặt ra là cần hình thành một “cơ sở dữ liệu mở” dùng chung cho ngành CTXH trên cả nước, nơi chia sẻ các ca nghiên cứu (case study), quy trình xử lý tình huống đã được kiểm chứng và các chuẩn mực đạo đức số. Việc thiếu sự kết nối này khiến nguồn lực đào tạo bị phân tán, chất lượng không đồng đều giữa các khu vực. Do đó, vấn đề cốt lõi cần giải quyết là làm sao để tạo ra một “chuẩn chung” về năng lực số trong đào tạo CTXH, đảm bảo rằng dù đào tạo tại bất kỳ cơ sở nào, SV cũng có khả năng vận hành trơn tru trong hệ thống quản trị xã hội số của quốc gia. Đây là lời giải cho bài toán phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng đứng vững trước mọi biến động của kỷ nguyên 4.0.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại học ngành Công tác xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số

2.3.1. Đổi mới chương trình và nội dung đào tạo theo hướng tích hợp năng lực số

Chuyển đổi số không đơn thuần là số hóa tài liệu mà là sự thay đổi bản chất của thực hành CTXH.

Việc đổi mới chương trình đào tạo cần bắt đầu từ việc tái cấu trúc khung năng lực, bổ sung các kiến thức về quản trị dữ liệu và các công cụ công nghệ mới. Các môn học chuyên ngành cần được cập nhật để SV không chỉ giỏi lý thuyết truyền thống mà còn làm chủ được “công tác xã hội kỹ thuật số”. Điều này bao gồm khả năng thực hiện tư vấn trực tuyến, quản lý hồ sơ điện tử (e-Case Management) và kỹ năng sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) để đánh giá rủi ro xã hội (Nguyễn Thị Tố Quyên và cộng sự, 2016). Ví dụ: Trong học phần “Công tác xã hội với trẻ em”, thay vì chỉ học cách phỏng vấn trực tiếp, SV cần được đào tạo về cách nhận diện các dấu hiệu lạm dụng trên không gian mạng, sử dụng các phần mềm chuyên dụng để lưu trữ hồ sơ bảo mật và thực hành kỹ năng tư vấn qua các nền tảng video an toàn khi đối tượng không thể đến trực tiếp trung tâm. Việc tích hợp các kỹ năng này giúp SV tốt nghiệp tự tin hơn khi đối mặt với các vấn đề xã hội hiện đại như bạo lực mạng hay bắt nạt qua mạng.

2.3.2. Phát triển đội ngũ giảng viên và đổi mới phương pháp giảng dạy

Giảng viên đóng vai trò là “kiến trúc sư” trong CDS, vì vậy nâng cao năng lực sư phạm số cho đội ngũ này là giải pháp trọng tâm. GV cần được đào tạo thường xuyên về các công nghệ giảng dạy mới, kỹ năng quản lý các lớp học trực tuyến và cách xây dựng các kho học liệu mở. Phương pháp giảng dạy cần chuyển dịch từ thụ động sang chủ động thông qua mô hình “lớp học đảo ngược” (flipped classroom) hoặc học tập qua trải nghiệm số. Ví dụ: GV có thể xây dựng các bài giảng tương tác trên hệ thống LMS, trong đó SV phải nghiên cứu tài liệu số trước khi lên lớp. Tại lớp, thời gian sẽ dành cho việc phân tích các ca thực tế (case study) thông qua các phần mềm giả lập. Chẳng hạn, GV có thể sử dụng các tình huống mô phỏng về một ca can thiệp khủng hoảng tâm lý, yêu cầu SV làm việc nhóm để đưa ra phương án xử lý trên nền tảng kỹ thuật số, từ đó rèn luyện tư duy phân biện và khả năng ra quyết định trong môi trường thực tế.

2.3.3. Tăng cường hạ tầng và môi trường thực hành số

Hạ tầng là nền tảng cho sự chuyển đổi. Các trường đại học cần đầu tư đồng bộ vào hệ thống công nghệ thông tin, bao gồm cơ sở dữ liệu số, hệ thống thực hành ảo và các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác thực tập. Việc xây dựng các “phòng lab thực hành xã hội” nơi SV có thể thực hành các tình huống can thiệp trong môi trường giả định an toàn sẽ là bước đột phá để thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành. Ví dụ: Một trường đại học có thể hợp tác với các tổ chức xã hội để xây dựng phần mềm quản lý ca mẫu. SV được cấp tài khoản để quản lý, ghi chép và theo dõi quá trình hỗ trợ cho một “đối tượng ảo” (GV đóng vai trò là đối tượng). Thông qua hệ thống này, SV phải thực hiện các báo cáo chuyên môn, xây dựng kế hoạch can thiệp và nhận phản hồi trực tiếp từ GV ngay trên môi trường số, giống như quy trình làm việc thực tế tại các trung tâm bảo trợ xã hội.

2.3.4. Hợp tác và kết nối hệ sinh thái đào tạo - thực tiễn

Sự gắn kết giữa nhà trường và các đơn vị tuyển dụng là “đầu ra” quan trọng của quá trình đào tạo. CDS đòi hỏi một hệ sinh thái mở, nơi các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cơ quan quản lý cùng tham gia vào quá trình xây dựng chương trình và đánh giá SV. Việc hình thành mạng lưới kết nối này giúp SV sớm làm quen với môi trường nghề nghiệp và các tiêu chuẩn số mà các đơn vị thực tế đang áp dụng (P. McGowan, 2016). Ví dụ: Nhà trường có thể ký kết thỏa thuận với các cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức phi chính phủ để SV tham gia vào các dự án số hóa hồ sơ người có công hoặc dữ liệu dân cư tại địa phương. Qua đó, SV không chỉ có cơ hội học hỏi từ những người đi trước mà còn trực tiếp góp phần vào quá trình CDS của cộng đồng, đồng thời tích lũy kinh nghiệm làm việc thực tế với các dữ liệu xã hội nhạy cảm dưới sự hướng dẫn chuyên môn.

2.3.5. Giáo dục về đạo đức số và an ninh thông tin

Đi đôi với kỹ năng là ý thức trách nhiệm. Trong bối cảnh số, đạo đức nghề nghiệp CTXH không thay đổi về giá trị cốt lõi nhưng thay đổi về hình thức thể hiện. Việc đào tạo về bảo mật thông tin cá nhân, quyền riêng tư của đối tượng trợ giúp và cách thức ứng xử trên không gian mạng là bắt buộc. SV phải được trang bị kiến thức để nhận diện và phòng tránh các định kiến số (algorithmic bias) nơi các thuật toán có thể vô tình phân biệt đối xử với các nhóm yếu thế. Ví dụ: Trong một bài tập về thu thập thông

tin đối tượng, SV cần phải thực hiện các bước mã hóa dữ liệu, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ hồ sơ điện tử để đảm bảo thông tin cá nhân của người được trợ giúp không bị lộ lọt. GV sẽ tổ chức các buổi tọa đàm về tình huống đạo đức, chẳng hạn như: “Phải làm gì khi thông tin của đối tượng có nguy cơ bị rò rỉ trên mạng xã hội?” hoặc “Làm sao để đảm bảo công bằng khi sử dụng AI trong sàng lọc đối tượng hỗ trợ?”. Những thảo luận này sẽ giúp SV hình thành ý thức cảnh giác cao độ trong mọi thao tác nghề nghiệp trên môi trường kỹ thuật số.

3. Kết luận

Chuyển đổi số trong đào tạo ngành CTXH không đơn thuần là quá trình hiện đại hóa các phương tiện kỹ thuật mà là một cuộc cải cách tư duy giáo dục toàn diện nhằm thích ứng với những biến động phức tạp của xã hội trong kỷ nguyên 4.0. Thông qua quá trình phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp, nghiên cứu đã khẳng định rằng: Nâng cao chất lượng đào tạo CTXH trong bối cảnh CDS là con đường tất yếu để chuẩn hóa nguồn nhân lực, đáp ứng kỳ vọng của thực tiễn quản lý xã hội và an ninh trật tự hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc tích hợp năng lực số vào khung chương trình đào tạo không chỉ trang bị cho SV kỹ năng thực hành nghề nghiệp hiện đại như quản lý ca qua hệ thống số, tư vấn trực tuyến và phân tích dữ liệu cộng đồng mà còn góp phần định hình một “đạo đức số” vững vàng. Trong môi trường đào tạo đặc thù, đặc biệt là tại các học viện, nhà trường khối an ninh/cảnh sát, việc kết hợp giữa giá trị nhân văn cốt lõi của ngành CTXH với tư duy quản lý an ninh, bảo mật thông tin chính là “chìa khóa” tạo nên sự khác biệt và hiệu quả trong hoạt động thực tiễn. Những nhân lực được đào tạo theo mô hình này không chỉ là những nhà thực hành xã hội chuyên nghiệp mà còn là nhân tố quan trọng trong dự báo, ngăn ngừa và xử lý các vấn đề xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội từ cấp cơ sở. Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, bài báo đề xuất một số kiến nghị chiến lược: - Các cơ sở đào tạo cần chủ động xây dựng và chuẩn hóa “Khung năng lực số” cho ngành CTXH, trong đó chú trọng các học phần về công nghệ ứng dụng và quản trị rủi ro trên không gian mạng; - Tăng cường đầu tư hạ tầng giáo dục số và xây dựng hệ sinh thái thực hành mô phỏng; - Đội ngũ GV cần được ưu tiên bồi dưỡng năng lực sư phạm số; - CDS trong đào tạo CTXH là một lộ trình dài hạn, đòi hỏi sự đồng thuận và đầu tư đồng bộ từ cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường và các đơn vị sử dụng lao động. Mặc dù còn đối mặt với nhiều thách thức về nguồn lực và hạ tầng nhưng với lộ trình khoa học và tinh thần đổi mới, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng rằng ngành CTXH tại Việt Nam sẽ chuyển mình mạnh mẽ, khẳng định vị thế và đóng góp ngày càng sâu sắc vào tiến trình phát triển bền vững của quốc gia trong giai đoạn mới.

Tài liệu tham khảo

- Đại học Lao động - Xã hội (2021). *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Chuyên nghiệp hóa hoạt động thực hành Công tác xã hội*. NXB Khoa học Xã hội, tr. 76.
- M. Thomas and E. Watson (2020). “Social Work and the Internet: Opportunities and Challenges in the Digital Age”. *Social Work in Health Care*, Vol. 59, No. 4, pp. 350-365.
- Nguyễn Thanh Bình, Trịnh Phương Thảo (2017). Một số yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của kiểm huấn viên trong công tác xã hội trường học. *Tạp chí Quản lý giáo dục*, tập 9, số 9, tr. 53-57.
- Nguyễn Thị Thu Hà (2011). *Nhu cầu hoạt động công tác xã hội trong một số lĩnh vực tại Việt Nam hiện nay*. *Tạp chí Xã hội học*, số 3(117), tr. 58-72.
- Nguyễn Thị Thúy Mai (2020). *Công tác xã hội trong trường học* (Giáo trình nội bộ). Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tr. 81.
- Nguyễn Thị Tố Uyên và cộng sự (2016). *Xây dựng bộ công cụ đánh giá trong thực hành công tác xã hội*. Tài liệu Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tr. 82.
- P. McGowan (2016). *The Digital Divide and Its Impact on Social Work Services*. *Social Work and Technology Review*, Vol. 23, No. 1, pp. 45-60.